| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GIỒNG TRÔM**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày: 14-01-2025

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trương Văn Phúc;

2. Ông Nguyễn Thanh Khoa.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Lê Kiến Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Du My - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 63/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 71/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

**- Hồ Văn B**, sinh năm 1963 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Hồ Văn T, sinh năm 1916 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1920 (đã chết); Vợ: bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/8/2024 cho đến nay.

- **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1992 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1971 và bà Đoàn Thị T2, sinh năm 1969; Vợ: bà Trần Thị Bạch T3, sinh năm 1988; Con: có 01 người con sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/8/2024 cho đến nay.

- **Lê Văn C**, sinh năm 1981 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ văn

hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn S, sinh năm 1959 và bà Trần Thị G, sinh năm 1961; Vợ: bà Nguyễn Thị Lệ Q1, sinh năm 1979; Con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/8/2024 cho đến nay.

- **Lê Văn Đ**, sinh năm 1972 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con Lê Văn X, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Tô Thị T4, sinh năm 1943; Vợ: bà Bùi Thị M, sinh năm 1973; Con: có 01 người con sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/8/2024 cho đến nay.

* *Người làm chứng:*

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961;

Nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Trần Văn B1, sinh năm 1968;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Hoàng Đ1, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Ông Hồ Văn U, sinh năm 1952;

Nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 02/5/2021, Công an xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nhận được tin báo của quần chúng nhân dân tại Chòi lá của bị cáo Hồ Văn B ở ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre có nhiều đối tượng đánh bạc trái phép được thua bằng tiền. Công an xã T đến hiện trường, lập Biên bản quả tang vào lúc 14 giờ 40 phút và thu giữ vật chứng theo quy định.

Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam 7.400.000 (bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng trên chiếu bạc; tiền Việt Nam 770.000 (bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng do bị cáo Đ tự nguyện giao nộp: tất cả đang tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện G, tỉnh Bến Tre.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, có gắn sim số 0385413316: là tài sản của bị cáo Đ, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Đ.

- 03 (ba) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng: đang tạm giữ.

- 01 (một) xe mô tô biển số 71C4-068.27, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen bạc: thuộc sở hữu của ông Đỗ Văn B2, đã trả lại cho ông B2.

- 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-687.97, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh bạc đen: thuộc sở hữu của anh Nguyễn Hoàng Đ1: đã trả lại cho anh Đ1.

- 01 (một) xe mô tô biển số 71S4-2066, nhãn hiệu SWEAR, màu sơn đỏ: thuộc sở hữu của bà Nguyễn Thị Bé T5, đã trả lại cho bà T5.

- 01 (một) xe mô tô biển số 61H4-8353, nhãn hiệu FULJIR, màu sơn xám: thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn L, đã trả lại cho ông L.

- 01 (một) xe mô tô biển số 71F9-5486, nhãn hiệu WISH, màu sơn xanh: thuộc sở hữu của ông Đoàn Văn D, đã trả lại cho ông D.

- 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-753.78, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ đen: thuộc sở hữu của ông Trần Văn B1, đã trả lại cho ông B1.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 71FH-8854, nhãn hiệu WARM, màu sơn xanh: thuộc sở hữu của bà Hồ Thị V, đã trả lại cho bà V.

- 01 (một) xe mô tô biển số 48B1-172.20, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen vàng: thuộc sở hữu của bị cáo Lê Văn C, đang tạm giữ.

- 01 (một) xe gắn máy biển số 52KA-3945: chưa rõ chủ sở hữu, xe không có số khung, số máy, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Cơ quan điều tra đã chuyển xe gắn máy nêu trên cho Công an huyện G, tỉnh Bến Tre tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra xác định: khoảng 13 giờ 00 phút ngày 02/5/2021, các bị cáo Lê Văn Đ, Lê Văn C và Nguyễn Văn Q đến Chòi lá của bị cáo Hồ Văn B để chơi, tại đây bị cáo Đ rủ các bị cáo C và Q đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài xập xám, các bị cáo C và Q đồng ý. Các bị cáo Đ, C và Q thỏa thuận chia làm 03 tụ bài, mỗi người xoay vòng làm cái 01 ván, mỗi tụ được chia 13 lá bài trong bộ bài tây 52 lá, sau khi chia bài xong tự mỗi người sắp xếp bài của mình để được thế bài lớn nhất, trong đó người có bài lớn nhất thắng 50.000 (năm mươi nghìn) đồng từ người có bài nhỏ nhất, người có bài nhỏ nhất thua 50.000 (năm mươi nghìn) đồng cho người có bài lớn nhất, người có bài lớn nhì thì hòa; đến khoảng 14 giờ 20 phút, bị cáo B đi đám về thấy tại Chòi lá của mình có nhiều người đang đánh bạc, bị cáo B đến tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài xập xám cùng với các bị cáo Đ, C và Q, lúc này cả nhóm thỏa thuận người có bài lớn nhất thắng 100.000 (một trăm nghìn) đồng, người có bài lớn nhì thắng 50.000 (năm mươi nghìn) đồng, người có bài nhỏ nhất thua 100.000 (một trăm nghìn) đồng, người có bài nhỏ nhì thua 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

Bị cáo B mang theo và sử dụng 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng để đánh bạc, kết quả hòa, khi Công an đến bị cáo B bỏ chạy, để lại 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng trên chiếu bạc.

Bị cáo Q mang theo và sử dụng 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, khi Công an đến bị cáo Q bỏ chạy, để lại 900.000 (chín trăm nghìn) đồng trên chiếu bạc.

Bị cáo C mang theo và sử dụng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thua 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, khi Công an đến, bị cáo C cầm 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng bỏ chạy về nhà.

Bị cáo Đ mang theo và sử dụng 420.000 (bốn trăm hai mươi nghìn) đồng để tham gia đánh bạc, kết quả thắng 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng, khi Công an đến bị cáo Đ cầm 770.000 (bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng bỏ chạy, trên đường chạy trốn lực lượng Công an bị cáo Đ làm rơi mất 180.000 (một trăm tám mươi nghìn) đồng, về đến nhà kiểm tra còn 590.000 (năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

Tổng số tiền mà các bị cáo B, Q, C và Đ dùng vào việc đánh bạc được chứng minh là 8.820.000 (tám triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, tại thời điểm bắt quả tang, tại hiện trường còn có ông Trần Văn B1, ông Hồ Văn U, ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Hoàng Đ1 cùng nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài catte với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối với số tiền 550.000 năm trăm năm mươi nghìn) đồng, Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã tịch thu, sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, các bị cáo B, Q, C và Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của nhau, phù hợp với lời khai những người làm chứng, vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản cáo trạng số 63/CT-VKSGT ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố các bị cáo B, Q, C và Đ về "Tội đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo B, Q, C và Đ phạm tội "Đánh bạc".

- Về trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo B: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo B hình phạt chính là phạt tiền với số tiền từ 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng đến 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Đối với bị cáo Q: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Q hình phạt chính là phạt tiền với số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Đối với bị cáo C: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo C hình phạt chính là phạt tiền với số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Đối với bị cáo Đ: Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Đề nghị xử phạt bị cáo Đ hình phạt chính là phạt tiền với số tiền từ 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng đến 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp khác: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đề nghị ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã: trả lại cho bị cáo Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, có gắn sim số 0385413316, là tài sản của bị cáo Đ; trả cho ông Đỗ Văn B2 01 (một) xe mô tô biển số 71C4-068.27, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen bạc, thuộc sở hữu của ông B2; trả cho anh Nguyễn Hoàng Đ1 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-687.97, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh bạc đen, thuộc sở hữu của anh Đ1; trả cho bà Nguyễn Thị Bé T5 01 (một) xe mô tô biển số 71S4-2066, nhãn hiệu SWEAR, màu sơn đỏ, thuộc sở hữu của bà T5; trả cho ông Nguyễn Văn L 01 (một) xe mô tô biển số 61H4-8353, nhãn hiệu FULJIR, màu sơn xám, thuộc sở hữu của ông L; trả cho ông Đoàn Văn D 01 (một) xe mô tô biển số 71F9-5486, nhãn hiệu WISH, màu sơn xanh, thuộc sở hữu của ông D; trả cho ông Trần Văn B1 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-753.78, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ đen, thuộc sở hữu của ông B1; trả cho bà Hồ Thị V 01 (một) xe gắn máy biển số 71FH-8854, nhãn hiệu WARM, màu sơn xanh, thuộc sở hữu của bà V, do cùng đều không liên quan đến hành vi phạm tội, phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị ghi nhận Cơ quan điều tra đã chuyển cho Công an huyện G, tỉnh Bến Tre 01 (một) xe gắn máy biển số 52KA-3945, chưa rõ chủ sở hữu, xe không có số khung, số máy, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo để tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật, do phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô biển số 48B1-172.20, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen vàng của bị cáo C để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 03 (ba) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, do các bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc thu tại chiếu bạc và do bị cáo Đ tự nguyện giao nộp là 8.170.000 (tám triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng.

Buộc bị cáo C nộp lại số tiền dùng vào việc đánh bạc là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đối với bị cáo B, lúc đầu hoàn toàn không biết các bị cáo khác và những người đánh bạc khác tự ý đến Chòi lá của mình để đánh bạc, bị cáo B không hứa hẹn, không thu xâu và không được lợi ích gì từ việc đánh bạc trên, bị cáo B không có tiền án, tiền

sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B về hành vi này là phù hợp.

Đối với hành vi đánh bạc của ông B1, ông U, ông L và anh Nguyễn Hoàng Đ1 vào ngày 02/5/2021 với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, bản thân ông B1, ông U, ông L và ông Đ1 không có tiền án, tiền sự nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông B1, ông U, ông L và anh Đ1 về hành vi đánh bạc trái phép là phù hợp.

Các bị cáo B, Q, C và Đ cùng khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo B thừa nhận sử dụng số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc. Bị cáo Q thừa nhận sử dụng số tiền 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc. Bị cáo C thừa nhận sử dụng số tiền 800.000 (tám trăm nghìn) đồng vào việc đánh bạc. Bị cáo Đ thừa nhận sử dụng số tiền 420.000 (bốn trăm hai mươi nghìn) đồng vào việc đánh bạc. Các bị cáo đồng ý với các tài liệu, chứng cứ; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người làm chứng ông U, ông L, ông B1 và anh Đ1 khai nhận các bị cáo B, Q, C và Đ có cùng tham gia đánh bài sập xám, còn cách thức chơi như thế nào, số tiền thắng thua và số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là bao nhiêu thì không rõ. Ông U, ông L, ông B1 và anh Đ1 không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên sơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn B, Nguyễn Văn Q, Lê Văn C và Lê Văn Đ cùng những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Các bị cáo B, Q, C và Đ có lời khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Do ý thức xem thường pháp luật, nhằm mục đích thu lợi bất chính, khoảng 14 giờ 20 phút ngày 02/5/2021, tại Chòi lá của bị cáo B ở ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre, các bị cáo B, Q, C và Đ đã cùng nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài xập xám thắng thua bằng tiền, đến 14 giờ 40 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an đến lập Biên bản quả

tang với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 8.820.000 (tám triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng. Khi thực hiện hành vi trên, các bị cáo B, Q, C và Đ có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của các bị cáo B, Q, C và Đ đã đủ yếu tố cấu thành "Tội đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên toà đối với các bị cáo B, Q, C và Đ là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Hành vi của các bị cáo B, Q, C và Đ là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được rằng việc đánh bạc được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện nhằm mục đích thu lợi cho bản thân. Hành vi của các bị cáo B, Q, C và Đ đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến nếp sống văn minh, trật tự công cộng, gây mất trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo B, Q, C và Đ gây ra.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về vai trò, xét đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo B, Q, C và Đ đều thống nhất cùng thực hiện hành vi phạm tội. Riêng bị cáo B sử dụng số tiền vào việc đánh bạc cao hơn các bị cáo khác nên sẽ được xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Về nhân thân, các bị cáo B, Q, C và Đ chưa có tiền án, tiền sự nên được xác định là có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo B, Q, C và Đ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo B có cha ruột tên Hồ Văn T và có anh ruột tên Hồ Văn K cùng là Liệt sĩ, có mẹ ruột tên Nguyễn Thị T1 được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo đang bị bệnh nặng; bị cáo Q hiện đang nuôi con còn nhỏ; bị cáo Đ tự nguyện giao nộp số tiền dùng đánh bạc. Do đó, bị cáo B được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Q và Đ được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo B, Q, C và Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo B, Q, C và Đ gây ra, xét thấy áp dụng hình phạt chính là phạt tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Hình phạt bổ sung: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo B, Q, C và Đ.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã: trả lại cho bị cáo Đ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, loại bàn phím, có gắn sim số 0385413316, là tài sản của bị cáo Đ; trả cho ông Đỗ Văn B2 01 (một) xe mô tô biển số 71C4-068.27, nhãn hiệu Honda, màu sơn đen bạc, thuộc sở hữu của ông B2; trả cho anh Nguyễn Hoàng Đ1 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-687.97, nhãn hiệu Honda, màu sơn xanh bạc đen, thuộc sở hữu của anh Đ1; trả cho bà Nguyễn Thị Bé T5 01 (một) xe mô tô biển số 71S4-2066, nhãn hiệu SWEAR, màu sơn đỏ, thuộc sở hữu của bà T5; trả cho ông Nguyễn Văn L 01 (một) xe mô tô biển số 61H4-8353, nhãn hiệu FULJIR, màu sơn xám, thuộc sở hữu của ông L; trả cho ông Đoàn Văn D 01 (một) xe mô tô biển số 71F9-5486, nhãn hiệu WISH, màu sơn xanh, thuộc sở hữu của ông D; trả cho ông Trần Văn B1 01 (một) xe mô tô biển số 71B1-753.78, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ đen, thuộc sở hữu của ông B1; trả cho bà Hồ Thị V 01 (một) xe gắn máy biển số 71FH-8854, nhãn hiệu WARM, màu sơn xanh, thuộc sở hữu của bà V, do cùng đều không liên quan đến hành vi phạm tội, phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với 01 (một) xe gắn máy biển số 52KA-3945, chưa rõ chủ sở hữu, xe không có số khung, số máy, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo B, Q, C và Đ, Cơ quan điều tra đã chuyển cho Công an huyện G, tỉnh Bến Tre tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Đối với 03 (ba) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, các bị cáo B, Q, C và Đ dùng thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với số tiền 8.170.000 (tám triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng thu tại chiếu bạc và do bị cáo Đ tự nguyện giao nộp, các bị cáo B, Q, C và Đ dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo C nộp lại số tiền dùng vào việc đánh bạc là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

Đối với 01 (một) xe mô tô biển số 48B1-172.20, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen vàng thuộc sở hữu của bị cáo C, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với bị cáo B, lúc đầu hoàn toàn không biết các bị cáo khác và những người đánh bạc khác tự ý đến Chòi lá của mình để đánh bạc, bị cáo B không hứa hẹn, không thu xâu và không được lợi ích gì từ việc đánh bạc trên, bị cáo B không có tiền án, tiền sự về tội đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo B về hành vi này là phù hợp.

Đối với hành vi đánh bạc của ông B1, ông U, ông L và anh Đ1 vào ngày 02/5/2021 với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng, bản thân ông B1, ông U, ông L và anh Đ1 không có tiền án, tiền sự nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện G, tỉnh Bến Tre đã ra

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông B1, ông U, ông L và anh Đ1 về hành vi đánh bạc trái phép là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo Q, C và Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Riêng đối với bị cáo B, bị cáo là người cao tuổi và có yêu cầu xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo B, Q, C và Đ về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hồ Văn B, Nguyễn Văn Q, Lê Văn C và Lê Văn Đ phạm tội "Đánh bạc".

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn B hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn C hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ hình phạt chính là phạt tiền với số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 60/2024/LCĐKNCT-TA ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Hồ Văn B.

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 61/2024/LCĐKNCT-TA ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Nguyễn Văn Q.

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 62/2024/LCĐKNCT-TA ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Lê Văn C.

Hủy bỏ Lệnh cấm khỏi nơi cư trú số 63/2024/LCĐKNCT-TA ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đối với bị cáo Lê Văn Đ.

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp khác: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô biển số 48B1-172.20, nhãn hiệu Yamaha, màu sơn đen vàng thuộc sở hữu của bị cáo Lê Văn C để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu, tiêu hủy: 03 (ba) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 13/01/2025, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc thu tại chiếu bạc và do bị cáo Lê Văn Đ tự nguyện giao nộp là 8.170.000 (tám triệu một trăm mười bảy nghìn) đồng (hiện Kho bạc Nhà nước huyện G, tỉnh Bến Tre đang tạm giữ).

Buộc bị cáo Lê Văn C nộp lại số tiền dùng vào việc đánh bạc là 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Lê Văn C và Lê Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo Hồ Văn B được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- UBND xã T, huyện G;
- UBND xã L, huyện G;
- Bị cáo;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Phương Yến**